

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 130/2023/DS-ST
Ngày 09 - 8 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phương

Ông Huỳnh Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 235/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Tuyết M**, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: **Số nhà H, đường H, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.**

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: **Số nhà A, Hẻm S, Khu Phố B, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 6 năm 2023 và quá trình tố tụng, bà **Nguyễn Thị Tuyết M** là nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 20 tháng 6 năm 2020, bà có cho bà **Trần Thị H** vay số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), thời gian vay là 1 tháng, mức lãi thỏa thuận là 3%/tháng. Sau khi vay, bà **H** có trả cho bà 10.000.000đ (mười triệu đồng), còn nợ lại 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), bà nhiều lần yêu cầu bà **H** trả nợ gốc và lãi nhưng bà **H** vẫn không trả. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **Trần Thị H** trả cho bà số tiền gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bà Trần Thị H là bị đơn trình bày:

Vào ngày 20 tháng 6 năm 2020, bà có vay của bà Nguyễn Thị Tuyết M với số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), thời gian vay là 1 tháng, mức lãi thỏa thuận là 3%/tháng. Sau khi vay, bà đã trả cho bà M số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), hiện nay còn nợ bà M số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) nhưng hiện nay kinh tế gia đình khó khăn, bà yêu cầu bà M cho bà trả dần mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi xong nợ.

Bà Nguyễn Thị Tuyết M là nguyên đơn trình bày:

Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thống nhất với cách thức trả tiền của phía bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M và nơi cư trú của bà Trần Thị H, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, lời trình bày của bà Nguyễn Thị Tuyết M phù hợp với lời trình bày của bà Trần Thị H nên có cơ sở xác định: Bà Trần Thị H có vay tiền của bà Nguyễn Thị Tuyết M nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

[3] Bà Nguyễn Thị Tuyết M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Trần Thị H trả số tiền còn nợ với số tiền gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Bà Trần Thị H đã thừa nhận nợ và đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết M. Do đó, yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết M là có căn cứ, phù hợp với giấy mượn tiền ngày 20 tháng 6 năm 2020 và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận về tổng số tiền yêu cầu.

Giữa bà Nguyễn Thị Tuyết M với bà Trần Thị H không thỏa thuận được với nhau về thời gian trả tiền: Bà Trần Thị H cho rằng hiện nay kinh tế gia đình gặp rất nhiều khó khăn nên bà H yêu cầu bà M cho bà H trả dần, mỗi tháng trả 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi xong nợ nhưng không được bà M chấp nhận nên không có căn cứ xem xét yêu cầu của bà Trần Thị H.

Bà Nguyễn Thị Tuyết M không yêu cầu tính lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết M số tiền gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

[4] Việc bà **Trần Thị H** trả số tiền nêu trên cho bà **Nguyễn Thị Tuyết M** vào thời gian nào, bao nhiêu lần thì các bên có quyền thỏa thuận, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà **Nguyễn Thị Tuyết M** không phải chịu, bà **M** đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Trần Thị H** là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí đúng theo quy định nên căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà **Trần Thị H** với số tiền là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Áp dụng các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Tuyết M** về việc buộc bà **Trần Thị H** trả tiền vay.

Buộc bà **Trần Thị H** có nghĩa vụ trả cho bà **Nguyễn Thị Tuyết M** số tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bà **Nguyễn Thị Tuyết M** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà **Trần Thị H** với số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (2b);
- Chi cục THA huyện C (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu HS (1b); Lưu VT (1b).

Diệp Song T